

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2020/HS-ST
Ngày: 29-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Chân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Duy Thanh;
2. Ông Huỳnh Văn Hiếu.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy H1, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 107/2020/TLST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2020/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

Bùi Thị Ngọc N, sinh ngày 15/5/1993; nơi sinh: huyện X – tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: không; nơi cư trú: tổ 13, khóm Châu Long 7, phường P, thành phố K, tỉnh An Giang; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Quốc A, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị Lệ Y, sinh năm 1959, có 01 người con sinh ngày 30/01/2020; anh chị em ruột có 02 người, bị cáo là người thứ hai.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Lâm Trung T, sinh năm 1985, nơi cư trú: tổ 12, khóm B2, phường P, thành phố K, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Bà Nguyễn Huỳnh Thanh H1, sinh năm 1990; vắng mặt.

2. Ông Lê Văn B, sinh năm 1991; vắng mặt.
3. Ông Nguyễn Thanh H2, sinh năm 1987; vắng mặt.
4. Ông Nguyễn Thành K, sinh năm 1992; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 05/11/2019, nhận được tin báo của quần chúng nhân dân, Công an phường P, thành phố K tiến hành kiểm tra nhà của Lâm Trung T (thuộc số 125, đường T, tổ 12, khóm B2, phường P, thành phố K) phát hiện, bắt quả tang Bùi Thị Ngọc N có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, thu giữ 08 túi nhựa trong suốt, hàn kín, chứa tinh thể trắng. N khai ma túy đá, mua của An (không rõ lai lịch), cất giấu, bán cho những người nghiện để thu lợi.

Vật chứng thu giữ gồm: 08 túi nhựa trong suốt, hàn kín, chứa tinh thể trắng; 03 ống thủy tinh bị vỡ; 01 hộp kim loại; 01 cân điện tử; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone; tiền Việt Nam 7.500.000 đồng (đã chuyển Cơ quan Thi hành án dân sự).

Kết luận giám định số 207/KLGT-PC09 (MT) ngày 27/11/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang xác định: Mẫu M gửi đến giám định là ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 1,4696 gam.

Cáo trạng số 107/CT-VKSCĐ ngày 11/9/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố Bùi Thị Ngọc N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (gọi chung Bộ luật Hình sự).

Tại phiên tòa,

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Bị cáo không có ý kiến tranh luận và trong lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngoài ra, bị cáo khai nhận bị cáo là người nghiện ma túy, bị cáo bắt đầu bán ma túy cho các đối tượng nghiện từ khoảng tháng 10/2019. Ma túy bị cáo có được là do bị cáo mua của An (không rõ địa chỉ). Từ thời điểm bán ma túy đến ngày bị bắt, bị cáo đã bán cho các đối tượng nghiện gồm: Nguyễn Thanh H2 mua 02 lần, mỗi lần 300.000 đồng; Nguyễn Huỳnh Thanh H1, Nguyễn Thành K, Lê Văn B mua nhiều lần, mỗi lần từ 150.000 đồng đến 300.000 đồng và nhiều người nghiện khác (không rõ lai lịch), thu lợi khoảng 2.500.000 đồng và ma túy sử dụng. Khi bị bắt quả tang thu giữ của bị cáo 08 túi nhựa ma túy, cất giấu để bán lại; 01 điện thoại di động hiệu Iphone dùng để liên lạc mua, bán ma túy; các dụng cụ sử dụng để phân chia ma túy; riêng 7.500.000 đồng, N mượn của B, H1 để chuẩn bị sinh con, không liên quan đến việc mua bán ma túy.

Trong phát biểu luận tội, Kiểm sát viên trình bày:

Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của người làm chứng - những người trực tiếp mua ma túy của bị cáo cũng như vật chứng được thu giữ cùng các tài liệu, nguồn chứng cứ khác được cơ quan điều tra thu thập và được thẩm tra tại phiên tòa. Từ đó, có cơ sở xác định, bị cáo đã nhiều lần có hành vi bán ma túy cho nhiều đối tượng nghiện, trong đó có: H1, K, H2, B. Do đó, cáo trạng truy tố đối với bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật; giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước; gây ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm đối với bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên, trong quá trình lượng hình, đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét đối với bị cáo về sự thành khẩn khai báo, người phạm tội là phụ nữ có thai, quá trình điều tra đã tự thú khai nhận đối với những lần bán ma túy trước đó; bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế; chưa có tiền án, tiền sự. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm r, s, n khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 251; điểm r, s, n khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 05 (năm) năm đến 06 (sáu) năm tù; đồng thời áp dụng hình phạt bổ sung, xử phạt bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

Về áp dụng biện pháp tư pháp, trong thời gian bị cáo N bán ma túy, bị cáo khai nhận số tiền hưởng lợi từ việc bán ma túy cho các đối tượng nghiện là 2.500.000 đồng, đề nghị buộc bị cáo có trách nhiệm giao nộp lại số tiền đã thu lợi từ hành vi phạm tội để sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với vật chứng được thu giữ trong vụ án, đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với người tên An (không rõ lai lịch) có hành vi bán ma túy cho N, Lâm Trung T; Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý theo luật định. Đối với Nguyễn Huỳnh Thanh H1, Nguyễn Thành K, Nguyễn Thanh H2, Lê Văn B có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, đã áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính nhưng cần giáo dục công khai tại phiên tòa.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng, bị cáo hối hận về hành vi đã thực hiện, xin được xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về tố tụng,

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an nhân dân thành phố K; Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân thành phố K; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[2] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, người làm chứng không có ý kiến khiếu nại nên về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện.

[3] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa, người chứng kiến và người làm chứng vắng mặt; bị cáo không có ý kiến về sự vắng mặt của người chứng kiến, người làm chứng. Xét, những người làm chứng đã có lời khai trong quá trình điều tra nên việc vắng mặt tại phiên tòa, không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Về nội dung,

[4] Hành vi phạm tội:

Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo với lời khai của những người làm chứng (người nghiện ma túy – trực tiếp mua ma túy từ bị cáo để sử dụng): Nguyễn Huỳnh Thanh H1, Nguyễn Thành K, Nguyễn Thanh H2, Lê Văn B được cơ quan điều tra thu thập và thẩm tra tại phiên tòa là phù hợp nhau về khoảng thời gian, địa điểm cũng như cách thức mua bán, loại ma túy và giá tiền mà bị cáo đã bán ma túy.

Ngoài ra, hành vi mà bị cáo đã thực hiện còn phù hợp với các nguồn chứng cứ khác được cơ quan điều tra thu thập và thẩm tra tại phiên tòa như: Kết luận giám định, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng vụ án được thu giữ và các tài liệu, chứng cứ liên quan khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ các căn cứ trên có cơ sở xác định, trong khoảng thời gian từ tháng 10/2019 đến ngày 05/11/2019, bị cáo N đã nhiều lần có hành vi bán ma túy loại Methamphetamine cho nhiều người nghiện ma túy, trong đó có: H1, K, H2, B. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi mua bán ma túy là vi phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

Vì vậy, hành vi mà bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung cấu thành tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” và “Đối với 02 người trở lên” được quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự như nội dung cáo trạng truy tố.

Ma túy là chất gây nghiện, là mầm mống làm phát sinh nhiều tệ nạn xã hội và tội phạm khác nên Nhà nước độc quyền quản lý, đồng thời nghiêm cấm

các hoạt động sản xuất, tàng trữ, mua bán, vận chuyển, chiếm đoạt, sử dụng trái phép chất ma túy. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy mà còn gây tác động xấu đến công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy, làm ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Xét, cần có mức hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, tạo điều kiện để bị cáo nhận thức sâu sắc hơn về hành vi đã thực hiện, phát huy tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội như quan điểm đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát.

[5] Xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tự thú về các hành vi phạm tội đã thực hiện trước đó, người phạm tội là phụ nữ có thai. Xét về nhân thân, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; thuộc thành phần nhân dân lao động, học vấn thấp có sự hạn chế trong hiểu biết pháp luật. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm r, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên có xem xét áp dụng và áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự khi lượng hình, quyết định hình phạt đối với bị cáo như quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên.

[6] Hình phạt bổ sung:

Xét bị cáo có thu lợi từ hành vi bán ma túy nên phạt bị cáo số tiền 10.000.000 đồng theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

[7] Biện pháp tư pháp:

Ngoài lời khai của bị cáo, không còn nguồn chứng cứ nào khác để xác định nên chấp nhận số tiền bị cáo thu lợi từ việc phạm tội là 2.500.000 đồng; buộc bị cáo có trách nhiệm giao nộp sung vào ngân sách nhà nước.

[8] Xử lý vật chứng:

- Đối với lượng ma túy đã thu giữ (vật cấm lưu hành), xét tịch thu tiêu hủy.
- Tiền Việt Nam 7.500.000 đồng, quá trình điều tra và tại phiên tòa có cơ sở xác định đây là tiền của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần trao trả cho bị cáo, tuy nhiên tiếp tục tạm giữ để đảm bảo giai đoạn thi hành án.
- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone bị cáo sử dụng để liên lạc mua, bán ma túy, đây là phương tiện phạm tội, xét tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.
- Đối với 03 ống thủy tinh bị vỡ, 01 hộp kim loại, 01 cân điện tử, đây là dụng cụ bị cáo sử dụng để phân lẻ và sử dụng ma túy, không còn giá trị sử dụng, xét tịch thu tiêu hủy.

[9] Những vấn đề khác:

Đối với người tên An (không rõ lai lịch) có hành vi bán ma túy cho N; Lâm Trung T Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý theo luật định là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Đối với Nguyễn Huỳnh Thanh H1, Nguyễn Thành K, Nguyễn Thanh H2, Lê Văn B là đối tượng nghiện, cơ quan chức năng đã xử lý nên không đề cập trong vụ án, tuy nhiên cần công khai giáo dục tại phiên tòa.

[10] Án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 251; điểm n, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo: Bùi Thị Ngọc N phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”;

Xử phạt: Bị cáo Bùi Thị Ngọc N: 05 (năm) 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày bị bắt chấp hành án.

Căn cứ khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự;

Buộc bị cáo Bùi Thị Ngọc N nộp phạt số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) gói niêm phong ghi vụ số 207/KLGT-PC09(MT) ngày 27/11/2019 có đóng dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố K và các chữ ký ghi tên: Nguyễn Thị Mỹ Hà, Nguyễn Đăng Khoa, Ôn Văn Thuận;

+ 03 ống thủy tinh bị bể;

+ 01 (một) hộp thiếc; 01 (một) cân điện tử màu trắng đen.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng số imei: 355387071135539 cùng sim điện thoại số 8401; 1705; 9204; 5922; OT.

- Giao trả cho bị cáo số tiền 7.500.000 (bảy triệu, năm trăm nghìn) đồng. Giấy nộp tiền số 0006.029 ngày 24/8/2020, tuy nhiên tiếp tục tạm giữ để đảm bảo giai đoạn thi hành án.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/8/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố K với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K).

- Buộc bị cáo Bùi Thị Ngọc N giao nộp số tiền 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

Căn cứ Điều 135, 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Bùi Thị Ngọc N phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Lâm Trung T vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bị niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND thành phố (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Chân